TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3 -2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trung Tuyến;

Ông Đỗ Văn Cận.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

Bị đơn: Ông Trần Văn K; sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14-02-2023, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị S trình bày: Bà và ông K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 30-01-2007. Vợ chồng đã chung sống với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Nay bà xét thấy tình cảm giữa bà và ông K iều không còn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông

Trần Văn K; về con chung, về tài sản: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Trần Văn K trình bày: Ông và bà S kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 30-01-2007. Nguyên nhân muân thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Nay bà S có đơn khởi kiện ly hôn, ông nhất trí ly hôn; về con chung, về tài sản: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 24-02-2023, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xã H cung cấp: Bà Đặng Thị S và ông Trần Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2007. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau. Bà S và ông K không có con chung; vợ chồng không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay bà S có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Đặng Thị S ly hôn ông Trần Văn K; Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa a, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị S và ông Trần Văn K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị S và ông Trần Văn K tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 30-01-2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông K mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của bà S xin ly hôn ông K là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà S và ông K chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Bà S, ông K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa bà Đặng Thị S và ông Trần Văn K.

2. Về án phí ly hôn: Bà Đặng Thị S phải nộp 300.000 đồng. Bà S đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000412 ngày 21-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, bà S đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị S và ông Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Phạm Quốc Tuấn